

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP
CHUYÊN NGÀNH: NGHIỆP VỤ NGHIỆP THƯƠNG**

THÁI NGUYÊN, NĂM 2023

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG
(GIẢNG DẠY BẰNG TIẾNG ANH)**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Quản lý công nghiệp

Tên tiếng Anh: Industrial Management

Mã ngành: 7510601

Chuyên ngành đào tạo: Nghiệp vụ ngoại thương – Foreign Trade

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 3.5 năm

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Phương thức tuyển sinh tuyển sinh: Sinh viên Việt Nam được tuyển sinh thông qua kỳ thi THPT quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên. Sinh viên quốc tế được tuyển theo các đề án tuyển sinh sinh viên quốc tế do Nhà trường ban hành.

Chuẩn đầu vào tiếng Anh của người học: Đầu vào tiếng Anh của người học đối với chương trình đào tạo chuyên ngành Nghiệp vụ Ngoại thương được chia thành 2 đối tượng;

- Sinh viên Việt Nam chưa có chứng chỉ tiếng Anh và sinh viên từ các nước không sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức được trang bị kiến thức tiếng Anh nhằm đạt chuẩn B1 theo Khung năng lực ngoại ngữ quốc gia. Sinh viên đạt chuẩn B1 sau năm học đầu tiên sẽ được chuyển sang học các học phần trong chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

- Sinh viên Việt Nam đã đạt chuẩn tiếng Anh B1 theo Khung năng lực ngoại ngữ quốc gia và sinh viên từ các nước sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức sẽ tham gia học ngay các học phần trong chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên phải tích lũy được 121 tín chỉ trở lên (bao gồm các học phần tự chọn và tất cả các học phần bắt buộc) với điểm trung bình chung tích lũy ≥ 2 (theo thang điểm 4) mới đủ điều kiện để được xét tốt nghiệp. Ngoài ra, sinh viên Việt Nam hoặc sinh viên đến từ các nước các nước không sử dụng tiếng anh làm ngôn ngữ

chính phải có chứng chỉ tiếng Anh B2 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

Chuyển đổi tín chỉ và điều kiện vào học chương trình: Quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ ĐH theo hệ thống tín chỉ (Ban hành theo Quyết định 2023/QĐ-ĐHKTCN ngày 16/9/2021)

Học phí: Mức học phí theo tín chỉ thu theo quy định cụ thể trong Quyết định về mức thu học phí được ban hành theo từng năm của Trường Đại học kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên.

Tên văn bằng: Cử nhân Quản lý công nghiệp

(CTĐT được ban hành theo Quyết định số 776 /QĐ-ĐHKTCN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên)

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo chuyên ngành Nghiệp vụ ngoại thương giảng dạy bằng Tiếng Anh thuộc ngành Quản lý công nghiệp cung cấp một cách toàn diện cho các cử nhân có những kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong các hoạt động đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, thanh toán và vận chuyển quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài; có phẩm chất nghề nghiệp vững vàng, sử dụng tốt tiếng Anh chuyên ngành và khả năng thích nghi với môi trường làm việc tiên tiến.

2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Nghiệp vụ ngoại thương giảng dạy bằng Tiếng Anh của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên/học viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất:

M1: Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, khoa học kỹ thuật và kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học, từ đó, có thể vận dụng vào những công việc khác nhau trong lĩnh vực quản lý, phân tích, liên kết các yếu tố trong ngành công nghiệp và vận dụng giải quyết các bài toán trong hoạt động quản lý công nghiệp.

M2: Trang bị các kỹ năng mềm cơ bản và kỹ năng nghề, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; chủ động nghiên cứu và khám phá tri thức với tinh thần trách nhiệm cao; sử dụng tốt tiếng Anh chuyên ngành Nghiệp vụ ngoại thương.

M3: Hiểu biết về môi trường, hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và kiểm tra các hoạt động, đề xuất các giải pháp để giải quyết vấn đề trong đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, thanh toán và vận chuyển quốc tế.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng CDIO gồm 04 thành phần chính: kiến thức và lập luận ngành; thái độ, kỹ năng cá nhân và sự chuyên nghiệp; kỹ năng phối hợp giữa các cá nhân; và khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế/tổ chức, triển khai, đánh giá và cải tiến ý tưởng trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội. Các nội dung cụ thể được trình bày tại Bảng 10 dưới đây.

Bảng 9. Chuẩn đầu ra dự kiến của chương trình

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	TĐNL
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.	3
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.	3
1.3	Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn cho những công việc khác nhau trong lĩnh vực ngoại thương bao gồm: đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, thanh toán quốc tế và vận chuyển quốc tế.	3.5
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP	
2.1	Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề.	3.5
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.	3.5
2.3	Rèn luyện, phát triển tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống.	3.5
2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: quản lý thời gian và nguồn lực; kỹ năng làm việc độc lập; kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; nhận thức năng lực bản thân; ham tìm hiểu và học tập suốt đời; tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao.	3.5
2.5	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; trung thực, khách quan, đoàn kết, thái độ hành xử chuyên nghiệp; giữ gìn uy tín nghề nghiệp; hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.	3.5
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN	
3.1	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm: tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm.	3.5

3.2	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản và giao tiếp chuyên môn.	3
3.3.	Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế, nghiên cứu tài liệu liên quan đến nghiệp vụ ngoại thương.	4.5
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI	
4.1	Hiểu vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải.	4
4.2	Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp.	4
4.3	Phát triển và rèn luyện khả năng lập mục tiêu, lập phương án kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, thanh toán và vận chuyển quốc tế.	4
4.4	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch quản lý dự án – ý tưởng kinh doanh, thiết kế được quy trình quản lý hoạt động đầu tư, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.	4
4.5	Triển khai các hoạt động đến bộ phận/cá nhân phụ trách quy trình đầu tư, thanh toán quốc tế, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.	4
4.6	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong quy trình đầu tư, thanh toán quốc tế, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế	4

Bảng 10. Thang trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
0.0 ≤ TĐNL < 1.0	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như: mô tả định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
1.0 < TĐNL ≤ 2.0	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
2.0 < TĐNL ≤ 3.0		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, mô phỏng, bài báo cáo,...
3.0 < TĐNL ≤ 4.0	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng; cụ

Trình độ năng lực		Mô tả ngắn
		thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$		Đánh giá: SV đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được đánh giá bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
$5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: SV kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.

Bảng 11. Thang trình độ kỹ năng Trình độ năng lực

Trình độ năng lực	Mô tả ngắn
$0.0 \leq \text{TĐNL} < 1.0$	Bắt chước: quan sát và lặp lại một kỹ năng nào đó.
$1.0 < \text{TĐNL} \leq 2.0$	Tự hoàn thành được một kỹ năng nào đó (chưa cần hoàn toàn chính xác) theo chỉ dẫn, không còn bắt chước.
$2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$	Lặp lại kỹ năng nào đó một cách chính xác, nhịp nhàng, đúng đắn, thường thực hiện một cách độc lập, không phải hướng dẫn.
$3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$	Kết hợp được nhiều kỹ năng theo thứ tự xác định một cách nhịp nhàng và ổn định.
$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$	Hoàn thành một hay nhiều kỹ năng một cách dễ dàng và trở thành tự nhiên, không đòi hỏi sự gắng sức về trí lực và thể lực. Hoặc: Thuần thục kỹ năng trong những tình huống khác nhau.

Bảng 12. Thang đo trình độ năng lực thái độ

Trình độ năng lực	Mô tả ngắn
$0.0 \leq \text{TĐNL} < 1.0$	Tiếp nhận hoặc chú tâm: cảm giác được sự tồn tại của sự vật - bằng lòng tiếp nhận - không chế hoặc chú tâm tới.
$1.0 < \text{TĐNL} \leq 2.0$	Có thể phản hồi với thái độ đúng đắn trước một số sự việc, tình huống khác nhau.
$2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$	Có thể đánh giá đúng đắn về ý nghĩa và giá trị của sự việc, tình huống, thái độ.
$3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$	Hình thành ý thức tự giác về thái độ

Trình độ năng lực	Mô tả ngắn
4.0 < TĐNL ≤ 5.0	Rèn luyện thái độ, nhận thức trở thành phong cách, bản chất của mình

Bảng 13. Ma trận tương quan giữa Mục tiêu và chuẩn đầu ra

CDR	Nội dung	Mục tiêu của CTĐT		
		M1	M2	M3
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH			
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.	✓		
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.	✓		
1.3	Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn cho những công việc khác nhau trong lĩnh vực ngoại thương bao gồm: đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, thanh toán quốc tế và vận chuyển quốc tế.	✓		
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP		✓	
2.1	Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề.		✓	
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.		✓	
2.3	Rèn luyện, phát triển tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống.		✓	
2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: quản lý thời gian và nguồn lực; kỹ năng làm việc độc lập; kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; nhận thức năng lực bản thân; ham tìm hiểu và học tập suốt đời; tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao.		✓	
2.5	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; trung thực, khách quan, đoàn kết, thái độ hành xử chuyên nghiệp; giữ gìn uy tín nghề nghiệp; hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.		✓	
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN			

3.1	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm: tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm.		✓	
3.2	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản và giao tiếp chuyên môn.		✓	
3.3.	Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế, nghiên cứu tài liệu liên quan đến nghiệp vụ ngoại thương.		✓	
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI			✓
4.1	Hiểu vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải.			✓
4.2	Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp.			✓
4.3	Phát triển và rèn luyện khả năng lập mục tiêu, lập phương án kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, thanh toán và vận chuyển quốc tế.			✓
4.4	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch quản lý dự án – ý tưởng kinh doanh, thiết kế được quy trình quản lý hoạt động đầu tư, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.			✓
4.5	Triển khai các hoạt động đến bộ phận/cá nhân phụ trách quy trình đầu tư, thanh toán quốc tế, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.			✓
4.6	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong quy trình đầu tư, thanh toán quốc tế, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế			✓

**Bảng 14. Đối sánh CDR của CTĐT chuyên ngành Nghiệp vụ ngoại thương giảng dạy bằng tiếng Anh
và CDR theo CDIO cấp độ 2**

TT	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra theo CDIO
1.	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	Kiến thức và lập luận ngành
1.1.	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.	Có hiểu biết và khả năng sử dụng các nguyên tắc cơ bản trong khoa học xã hội và tự nhiên
1.2.	Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.	Kiến thức nền tảng kinh tế và ngoại thương cốt lõi
1.3.	Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn cho những công việc khác nhau trong lĩnh vực ngoại thương bao gồm: đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, thanh toán quốc tế và vận chuyển quốc tế.	Kiến thức nền tảng kỹ thuật ngoại thương nâng cao
2.	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP	Kỹ năng, tố chất cá nhân và chuyên nghiệp
2.1.	Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề.	Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề
2.2.	Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.	Thử nghiệm và khám phá tri thức
2.3.	Rèn luyện, phát triển tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống.	Tư duy tầm hệ thống
2.4.	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: quản lý thời gian và nguồn lực; kỹ năng làm việc độc lập; kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; nhận thức năng lực bản thân; ham tìm hiểu và học tập suốt đời; tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao.	Thái độ, tư tưởng và học tập

TT	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra theo CDIO
2.5.	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; trung thực, khách quan, đoàn kết, thái độ hành xử chuyên nghiệp; giữ gìn uy tín nghề nghiệp; hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.	Đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác
3.	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN	Kỹ năng giao tiếp: làm việc theo nhóm và giao tiếp
3.1.	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm: tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm.	Làm việc theo nhóm
3.2.	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản và giao tiếp chuyên môn.	Giao tiếp
3.3.	Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế, nghiên cứu tài liệu liên quan đến nghiệp vụ ngoại thương.	Giao tiếp bằng ngoại ngữ
4.	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – Quá trình sáng tạo
4.1	Hiểu vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải.	Hình thành ý tưởng và xây dựng các hệ thống
4.2	Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp.	Triển khai, vận hành
4.3	Phát triển và rèn luyện khả năng lập mục tiêu, lập phương án kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, thanh toán và vận chuyển quốc tế.	Triển khai, vận hành

TT	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra theo CDIO
4.4	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch quản lý dự án – ý tưởng kinh doanh, thiết kế được quy trình quản lý hoạt động đầu tư, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.	Thiết kế, triển khai, vận hành
4.5	Triển khai các hoạt động đến bộ phận/cá nhân phụ trách quy trình đầu tư quốc tế, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế...	Triển khai, vận hành
4.6	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong quy trình đầu tư, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.	Kiểm tra, đánh giá

Bảng 15. Đối sánh CDR của CTĐT với khung Trình độ quốc gia (ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ)

TT	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo	Khung Trình độ quốc gia
1.	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	Kiến thức
1.1.	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn.	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật
1.2.	Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi ngành đào tạo
1.3.	Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn cho những công việc khác nhau trong lĩnh vực ngoại thương bao gồm: đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, thanh toán quốc tế và vận chuyển quốc tế.	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ

TT	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo	Khung Trình độ quốc gia
		thể; Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn
2.	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP	Kỹ năng, tố chất cá nhân và chuyên nghiệp
2.1.	Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề.	Kỹ năng cần thiết để giải quyết các vấn đề phức tạp
2.2.	Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
2.3.	Rèn luyện, phát triển tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống.	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi ngành đào tạo
2.4.	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: quản lý thời gian và nguồn lực; kỹ năng làm việc độc lập; kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; nhận thức năng lực bản thân; ham tìm hiểu và học tập suốt đời; tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao.	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi
2.5.	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; trung thực, khách quan, đoàn kết, thái độ hành xử chuyên nghiệp; giữ gìn uy tín nghề nghiệp; hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi
3.	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN	Kỹ năng giao tiếp: làm việc theo nhóm và giao tiếp

TT	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo	Khung Trình độ quốc gia
3.1.	Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm: tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm.	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm
3.2.	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản và giao tiếp chuyên môn.	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến các kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp
3.3.	Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế, nghiên cứu tài liệu liên quan đến nghiệp vụ ngoại thương.	Có năng lực ngoại ngữ tương đương khung bậc 6 đối với hệ Cử nhân và khung bậc 7 đối với Kỹ sư
4.	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường – Quá trình sáng tạo
4.1	Hiểu vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải.	Kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học
4.2	Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp.	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi ngành đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo	Khung Trình độ quốc gia
4.3	Phát triển và rèn luyện khả năng lập mục tiêu, lập phương án kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, thanh toán và vận chuyển quốc tế.	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi ngành đào tạo.
4.4	Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch quản lý dự án – ý tưởng kinh doanh, thiết kế được quy trình quản lý hoạt động đầu tư, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi ngành đào tạo.
4.5	Triển khai các hoạt động đến bộ phận/cá nhân phụ trách quy trình đầu tư, thanh toán quốc tế, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi
4.6	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong quy trình đầu tư, thanh toán quốc tế, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi

Bảng 16 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo đề cương CDIO cấp độ 3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	TĐNL ¹
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	<i>Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn</i>	3
1.1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc lý luận chính trị, pháp luật	3
1.1.2	Vận dụng các kiến thức toán học để tiếp thu các kiến thức cơ sở	3
1.1.3	Hiểu biết các kiến thức xã hội học	3
1.1.4	Vận dụng kiến thức ngoại ngữ để học tập ở trình độ cao hơn	3
1.1.5	Vận dụng kiến thức tin học để tiếp thu tốt các kiến thức chuyên ngành	3
1.2	<i>Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.</i>	3
1.2.1	Ứng dụng các kiến thức nền tảng liên ngành: Kiến thức khoa học kỹ thuật	3
1.2.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng nhóm ngành	3
1.2.2.1	Kiến thức kinh tế học	3
1.2.2.2	Kiến thức quản trị căn bản	3
1.2.1.3	Kiến thức marketing	3
1.2.1.4	Kiến thức toán thống kê - phân tích	3
1.2.1.5	Kiến thức tài chính – kế toán	3
1.2.3	Ứng dụng các kiến thức nền tảng cơ sở ngành	3
1.2.3.1	Kiến thức chung ngành công nghiệp	3
1.2.3.2	Kiến thức quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp	3
1.2.3.3	Kiến thức quản trị chiến lược	3
1.2.3.4	Kiến thức kinh doanh thương mại	3
1.2.3.5	Kiến thức thực tế về hoạt động của quản trị viên tại tổ chức/doanh nghiệp	3
1.3	<i>Vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên môn cho những công việc khác nhau trong lĩnh vực ngoại thương bao gồm: đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, thanh toán và vận chuyển quốc tế.</i>	3.5
1.3.1	Vận dụng kiến thức xuất nhập khẩu hàng hóa	3.5
1.3.2	Vận dụng kiến thức vận chuyển hàng hóa quốc tế	3.5
1.3.3	Vận dụng kiến thức về thanh toán quốc tế	3.5
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP	
2.1	<i>Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề</i>	3.5
2.1.1	Chủ động nhận diện vấn đề cần giải quyết	3.5
2.1.2	Đánh giá vấn đề cần giải quyết	3.5
2.1.3	Đề xuất các phương án giải quyết vấn đề	3.5

¹ Thang trình độ năng lực: 1 - Biết; 2 - Hiểu; 3 - Ứng dụng; 4 - Phân tích; 5 - Đánh giá; 6 - Sáng tạo

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	TĐNL¹
2.2	<i>Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn</i>	3.5
2.2.1	Phát hiện vấn đề cần nghiên cứu, khám phá	3.5
2.2.2	Nghiên cứu, khám phá vấn đề một cách độc lập	3.5
2.2.3	Ứng dụng các kết quả nghiên cứu, khám phá	3.5
2.3	<i>Rèn luyện và phát triển tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống</i>	3.5
2.3.1	Xem xét sự vật, hiện tượng dưới góc nhìn tổng quát	3.5
2.3.2	Xem xét sự vật, hiện tượng đặt trong mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống	3.5
2.4	<i>Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Quản lý thời gian và nguồn lực; Kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Nhận thức năng lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao</i>	3.5
2.4.1	Quản lý thời gian và nguồn lực	3.5
2.4.2	Kỹ năng làm việc độc lập	3.5
2.4.3	Kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành	3.5
2.4.4	Nhận thức năng lực bản thân	3.5
2.4.5	Ham tìm hiểu và học tập suốt đời	3.5
2.4.6	Tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao	3.5
2.5	<i>Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Trung thực, khách quan, đoàn kết, Thái độ hành xử chuyên nghiệp; Giữ gìn uy tín nghề nghiệp; Hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội</i>	3.5
2.5.1	Phẩm chất đạo đức cá nhân	3.5
2.5.1.1	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước	3.5
2.5.1.2	Ý thức tổ chức kỷ luật	3.5
2.5.1.3	Trung thực, khách quan, đoàn kết	3.5
2.5.2	Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp	3.5
2.5.2.1	Tuân thủ pháp luật kinh doanh	3.5
2.5.2.2	Thái độ hành xử chuyên nghiệp	3.5
2.5.2.3	Giữ gìn uy tín nghề nghiệp	3.5
2.5.2.4	Hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp	3.5
2.5.3	Phẩm chất đạo đức xã hội	3.5
2.5.3.1	Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân	3.5
2.5.3.2	Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội	3.5
2.5.3.3	Hài hoà lợi ích cá nhân, tổ chức với lợi ích xã hội	3.5
3	<i>KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN</i>	3.5
3.1	<i>Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm</i>	3.5

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	TĐNL¹
3.1.1	Tổ chức, hình thành nhóm	3.5
3.1.2	Lãnh đạo và điều hành nhóm	3.5
3.1.3	Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm	3.5
3.2	<i>Rèn luyện kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản và giao tiếp chuyên môn</i>	3
3.2.1	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	3
3.2.2	Kỹ năng giao tiếp chuyên môn	3
3.3	<i>Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế, nghiên cứu tài liệu liên quan đến nghiệp vụ ngoại thương.</i>	4.5
3.3.1	Kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ cơ bản và chuyên môn	4.5
3.3.2	Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong nghiên cứu tài liệu chuyên ngành	4.5
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ – CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI	4
4.1	<i>Hiểu vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải</i>	4
4.1.1	Nhận thức và phân tích được tầm quan trọng của bối cảnh xã hội đối với hoạt động kinh doanh	4
4.1.2	Hiểu về các chế độ, chính sách pháp luật có liên quan	4
4.1.3	Nhận diện được những thay đổi của môi trường tác động tới tổ chức, doanh nghiệp	4
4.1.4	Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải	4
4.2	<i>Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp</i>	4
4.2.1	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp	4
4.2.2	Hiểu biết về những đặc điểm cơ bản của tổ chức, doanh nghiệp	4
4.2.3	Phân tích được tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của tổ chức, doanh nghiệp	4
4.2.4	Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp	4
4.3	<i>Phát triển và rèn luyện khả năng lập mục tiêu, lập phương án kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, thanh toán và vận chuyển quốc tế.</i>	4
4.3.1	Khả năng hình thành ý tưởng các hoạt động ngoại thương	4
4.3.2	Khả năng thiết lập các yêu cầu đối với các hoạt động ngoại thương	4
4.3.3	Khả năng xác định chức năng đối với các hoạt động ngoại thương	4
4.4	<i>Xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức, lập kế hoạch quản lý dự án – ý tưởng kinh doanh, thiết kế được quy trình quản lý hoạt động đầu tư, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.</i>	4
4.4.1	Xây dựng mô hình và quy trình quản lý xuất nhập khẩu	4
4.4.2	Xây dựng mô hình và quy trình quản lý các hoạt động vận chuyển quốc tế	4

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	TĐNL¹
4.4.3	Xây dựng mô hình và quy trình quản lý hoạt động thanh toán quốc tế	4
4.5	<i>Triển khai các hoạt động đến bộ phận/cá nhân phụ trách quy trình đầu tư quốc tế, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.</i>	4
4.5.1	Khả năng triển khai mô hình, quy trình quản lý các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	4
4.5.2	Khả năng triển khai mô hình, quy trình quản lý các hoạt động vận chuyển quốc tế	4
4.5.3	Khả năng triển khai mô hình, quy trình quản lý các hoạt động thanh toán quốc tế	4
4.6	<i>Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/cá nhân trong quy trình đầu tư, xuất nhập khẩu, thanh toán và vận chuyển quốc tế.</i>	4
4.6.1	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/ cá nhân trong các hoạt động xuất nhập khẩu và đề xuất phương án cải tiến	4
4.6.2	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/ cá nhân trong các hoạt động quản lý vận chuyển quốc tế và đề xuất phương án cải tiến	4
4.6.3	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/ cá nhân trong các hoạt động thanh toán quốc tế và đề xuất phương án cải tiến	4

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp các cử nhân của chuyên ngành Nghiệp vụ ngoại thương giảng dạy bằng tiếng Anh có thể:

1. Làm việc ở vị trí một cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, đặc biệt có lợi thế trong các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, xuất – nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, thanh toán và vận chuyển quốc tế trong các doanh nghiệp nước ngoài.

2. Làm việc trong các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.

3. Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho bản thân.

4. Làm việc trong các sở, ban, ngành thuộc các cơ quan chính quyền.

5. Làm cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về quản trị doanh nghiệp, thương mại trong nước và quốc tế tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

V. HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp các cử nhân của chuyên ngành Nghiệp vụ ngoại thương giảng dạy bằng tiếng Anh, ngành Quản lý công nghiệp có thể:

1. Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.
2. Có khả năng tham gia học tập đối với các chuyên ngành khác thuộc ngành Quản lý công nghiệp
3. Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ sau đại học (bậc thạc sỹ và tiến sỹ) các chuyên ngành kinh tế, quản lý kinh tế và quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước.

VI. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ THỰC HÀNH, THỰC TẬP TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI, CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRAO ĐỔI SINH VIÊN QUỐC TẾ

Các cơ sở thực hành, thực tập trong nước

1. Cục Hải quan tỉnh Thái Nguyên
2. Cục Hải quan Hà Nội
3. Ngân hàng Cổ phần thương mại Kỹ Thương Việt Nam
4. Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam
5. Công ty vận Danko Logistics
6. Công ty vận tải Trường Thành Logistics
7. Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG
8. Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên (SEVT)
9. Công Ty TNHH Phát Triển Năng Lượng Trina Solar
10. Công ty TNHH Hansol Electronics Việt Nam

Các cơ sở thực hành, thực tập nước ngoài

Công ty TNHH Canon Việt Nam- Thực tập ngắn hạn tại Hàn Quốc

Công ty TNHH Honda Việt Nam- Thực tập ngắn hạn tại Nhật Bản

Các chương trình trao đổi sinh viên quốc tế

Trường Đại học Khoa học - Công nghệ Sơn Đông (SDUST)

Trường Đại học Ilmenau- Đức

Trường Đại học Providence- Đài Loan

Trường Đại học Khoa học Kỹ thuật Minh Chí- Đài Loan

VII. MÔ TẢ VỀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

1.1. Phân bố khối kiến thức

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý công nghiệp, chuyên ngành Nghiệp vụ ngoại thương với thời lượng 121 tín chỉ, gồm các khối kiến thức về giáo dục đại cương và

giáo dục chuyên nghiệp. Các nội dung cấu thành và khối lượng cụ thể của mỗi khối kiến thức được thể hiện tại Bảng 17.

Bảng 17. Phân bổ các khối kiến thức trong chương trình

Khối kiến thức	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức giáo dục đại cương	31	27	4
- Lý luận chính trị, Pháp luật	13	13	0
- Toán và khoa học tự nhiên	2	2	0
- Khoa học, xã hội và môi trường	4	0	4
- Ngoại ngữ	9	9	0
- Tin học	3	3	0
Khối kiến thức chuyên nghiệp	90	85	5
- Cơ sở nhóm ngành và ngành	51	51	0
- Chuyên ngành	25	20	5
- Liên ngành	5	5	0
- Thực hành, thực tập xưởng			
- Thực tập và Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	9	9	0
Khối kiến thức GDTC và GDQP			
- Giáo dục thể chất			
- Giáo dục quốc phòng			
Tổng	121	112	9

1.2. Nội dung chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý công nghiệp, chuyên ngành Nghiệp vụ ngoại thương giảng dạy bằng tiếng Anh với thời lượng 121 tín chỉ, gồm các khối kiến thức về giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Ngoài ra, sinh viên nước ngoài sẽ được trang bị các học phần thay thế cho khối kiến thức về lý luận chính trị và pháp luật đại cương (là các học phần bắt buộc đối với sinh viên Việt Nam, được giảng dạy bằng tiếng Việt theo quy định hiện hành). Nội dung chi tiết của khung chương trình được thể hiện tại Bảng 18.

Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		31						
I	Học phần bắt buộc		27						
1	BAS123	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45					KHCB
2	BAS215	Political Economics of Marxism and Leninism	2	30			BAS123		KHCB
3	BAS305	Scientific Socialism	2	30			BAS215		KHCB
4	BAS217	History of Vietnamese Communist Party	2	30			BAS305		KHCB
5	BAS110	Ho Chi Minh's Ideology	2	30			BAS217		KHCB
6	FIM207	General Law	2	30			BAS123		KHCB
	<i>Các học phần thay thế khối kiến thức về lý luận chính trị và pháp luật đại cương cho sinh viên nước ngoài (từ STT 7 đến 11, gồm 13TC)</i>								
7	MAT001	Introductory Linear Algebra	3	45					QT
8	GMA003	Engineering Impact on Society	3	45					QT
9	FOT202	Calculus	2	30					QT
10	GMA005	The Evolution of Earth and Solar System	3	45					QT
11	FOT401	Introduction to Engineering Drawing	2	30					QT
12	FOT101	Probability and Statistics	2	30					QT
13	FOT102	English Module 1	3	45					QT
14	FOT405	English Module 2	3	45			STT 13		QT
15	FOT503	English Module 3	3	45			STT 14		QT

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
	<i>Các học phần thay thế khối kiến thức tiếng Anh cho sinh viên nước ngoài (từ STT 16 đến 18, gồm 9 TC)</i>								
16	FOT109	Engineering Principles	3	45					QT
17	FOT406	Ethics in Engineering	3	45					QT
18	FOT504	English for Engineering	3	45					QT
19	FOT209	Computer Applications for Industrial Management	3	15	30				QT
20	BAS0109	Physical strength education (Requirement)							KHCB
21	Physical strength education -Selection (chọn 2 học phần hoặc 1 trong 4 học phần)								
21.1	B103BC1	Physical strength education - Volleyball 1							
21.2	B103BD1	Physical strength education Football 1							
21.3	B103BR1	Physical strength education Basketball 1							
21.4	B103CL1	Physical strength education Badminton 1							
22	TCV104	National defence education							TT GD QP
II	<i>Học phần bổ trợ tự chọn (Trải nghiệm - Kinh tế - Văn hóa - Xã hội - Môi trường)</i>		4						
23	<i>Học phần tự chọn đại cương (Chọn 2 học phần)</i>		4						
23.1	FOT106	History of Economic Theories	(2)	30					KTCN

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
23.2	FOT107	<i>Introduction to Industrial Management</i>	(2)	30					QT
23.3	FOT108	<i>Introduction to Industrial Economics</i>	(2)	30					QT
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
I	Kiến thức liên ngành, nhóm ngành và sơ sở ngành								
I.1	Kiến thức liên ngành tự chọn			5					
24	FOT605	Mechanical Science	2	30					QT
25	GEE001	Electrical Science	3	45					QT
I.2	Kiến thức cơ sở nhóm ngành			32					
26	FOT306	Business Law	2	30					KHCB
27	FOT404	Mathematics for Economists	3	45					QT
29	FOT301	Principles of Macroeconomics	3	45			STT 28		QT
30	FOT603	Financial and Monetary Theory	3	45			STT 29		KTCN
31	FOT302	Introduction to Accounting	3	45					KTCN
32	FOT303	Principles of Marketing	3	45					KTCN
33	FOT407	Principles of Statistics	2	30					QT
34	FOT403	Business Statistics	3	45			STT 29 STT 33		QT
35	FOT602	Corporate Finance	3	45			STT 31		KTCN
36	FOT701	Business Analysis	3	45			STT 35		KTCN
37	FOT402	Course Project for Economics	1	15			STT 28 STT 29		QT
I.3	Kiến thức cơ sở ngành			19					

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
	Học phần bắt buộc		19						
38	FOT909	Principles of Management	3	45					QT
39	FOT803	Managerial Accounting	2	30					KTCN
40	FOT506	Business Communication	3	45					QT
41	FOT703	Strategic Management	3	45					QT
42	FOT604	Industrial Economics	3	45					QT
43	FOT501	Practicum in Industrial Management	2	30		STT 38			QT
44	FOT601	Human Resource Management	3	45					QT
II	Kiến thức chuyên ngành		25						
	Học phần bắt buộc		20						
45	FOT702	International Business	3	45		STT 28			QT
46	FOT902	International Payment	3	30			STT 45		QT
47	FOT802	International Investment	3	45			STT 38		QT
48	FOT704	Foreign Trade Practice	3	60			STT 45		QT
49	FOT901	Customs Practices	3	45			STT 45		QT
50	FOT801	Supply Chain Management	3	45			STT 42		QT
51	FOT804	International Logistics	2	30			STT 45		QT
52	Học phần tự chọn chuyên ngành (chọn 1 trong 3 tổ hợp học phần)		5						
52.1	Tổ hợp 01								
52.1.1	FOT903	International Procurement	(2)	30		STT 38			QT
52.1.2	FOT904	Export-Import Practices	(3)	45		STT 42			QT
52.2	Tổ hợp 02								
52.2.1	FOT905	E-Logistics	(2)	30		STT 38			QT

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết (Mã HP)			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
52.2.2	FOT906	<i>Transportation and forwarding</i>	(3)	45		STT 42			QT
52.3	Tổ hợp 03								
52.3.1	FOT907	<i>Insurance in Foreign Trade</i>	(2)	30		STT 42			QT
52.3.2	FOT908	<i>International Trade Transaction</i>	(3)	45		STT 42			QT
	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		9						
53	FOT1001	Internship Program	3			STT 46 STT 48 STT 49			QT
54	FOT1002	Graduation Thesis	6			STT 53			QT
TỔNG CỘNG			121						
Tổng số tín chỉ toàn CTĐT: 121 TC (Bắt buộc: 112 TC; Tự chọn: 09 TC)									

*** Chú thích:**

- Các module của chương trình tiếng Anh 1, 2 và 3 được triển khai giảng dạy trong 3 học kỳ đầu nhằm giúp sinh viên đạt trình độ B1. Đây là trình độ tiếng Anh cần thiết trước khi sinh viên bước vào học các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh. Mỗi module này có số tín chỉ thực học là 16 và được quy đổi thành 9 tín chỉ tích lũy trong chương trình đào tạo.

- Chuẩn đầu ra về tiếng Anh là B2. Nếu sinh viên Việt Nam đạt chuẩn B2 ngay trong học kỳ đầu tiên thì kết quả này sẽ được quy đổi sang điểm các module tiếng Anh 1, 2 và 3 theo quy định hiện hành của Nhà trường.

2. Kế hoạch giảng dạy (3 học kỳ chính)

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý công nghiệp, chuyên ngành Nghiệp vụ ngoại thương với thời lượng 121 tín chỉ. Tổng thời gian đào tạo của chương trình Nghiệp

vụ ngoại thương là 3,5 năm tương ứng 10 học kỳ (theo phương án mỗi năm gồm 3 học kỳ chính). Kế hoạch đào tạo được chia thành hai giai đoạn:

- Giai đoạn 1: (1 năm) Sinh viên Việt Nam và sinh viên từ các nước không sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức được trang bị kiến thức tiếng Anh nhằm đạt chuẩn B1 theo Khung năng lực ngoại ngữ quốc gia. Giai đoạn này tương ứng với năm học thứ nhất với khối lượng học tiếng Anh là 48 tín chỉ. Khối lượng này được quy đổi thành 09 tín chỉ tích lũy cho sinh viên.

- Giai đoạn 2: (3.5 năm) Sinh viên đạt chuẩn B1 sau năm học đầu tiên sẽ được chuyển sang học các học phần trong chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

Sinh viên từ các nước sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính thức được bỏ qua giai đoạn 1 và tham gia học giai đoạn 2 ngay từ đầu. Tuy nhiên, các sinh viên này phải học 03 học phần tương đương (09 tín chỉ tích lũy). Bảng 14 thể hiện kế hoạch đào tạo dự kiến theo phương án 3 học kỳ/năm học (Chỉ thể hiện giai đoạn 2).

Kế hoạch giảng dạy theo phương án 3 học kỳ/năm học

HỌC KỲ 1

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FOT101	Probability and Statistics	2		
2	BAS123	Philosophy of Marxism and Leninism	3		<i>Vietnamese students</i>
	MAT001	Introductory Linear Algebra			<i>International students</i>
3	FOT102	English Module 1	3		
	GMA001	Engineering Principles			<i>International students</i>
4	BAS0109	Physical strength education (requirement)	0		
5		Học phần tự chọn đại cương (chọn 2 học phần)	4		
5.1	FOT106	<i>History of Economic Theories</i>	(2)		
5.2	FOT107	<i>Introduction to Industrial Management</i>	(2)		
5.3	FOT108	<i>Introduction to Industrial Economics</i>	(2)		
		Tổng	12		

HỌC KỲ 2

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS215	Political Economics of Marxism and Leninism	2		<i>Vietnamese students</i>
	FOT206	Engineering Impact on Society	3		<i>International students</i>
2	FOT207	Principles of Microeconomics	3		
3	FOT208	General Law	2		<i>Vietnamese students</i>
	FOT202	Calculus			<i>International students</i>
4	FOT203	Principles of Statistics	2		
5	FOT204	Principles of Management	3		
6	BAS0110	Physical strength education - Selection (<i>chọn 1 trong 4 học phần</i>)			
7	FOT209	Computer Applications for Industrial Management	3	15	30
		Tổng	16		

HỌC KỲ 3

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS305	Scientific Socialism	2		<i>Vietnamese students</i>
	FOT305	The Evolution of Earth and Solar System	3		<i>International students</i>
2	FOT301	Principles of Macroeconomics	3		
3	FOT302	Introduction to Accounting	3		
4	FOT303	Principles of Marketing	3		
5	FOT306	Business Law	2		
		Tổng	14		

HỌC KỲ PHỤ

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1		National defence education	0		<i>Vietnamese students</i>

HỌC KỲ 4

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS217	History of Vietnamese Communist Party	2		<i>Vietnamese students</i>
	FOT401	Introduction to Engineering Drawing			<i>International students</i>
2	FOT402	Course Project for Economics	1		
3	FOT403	Business Statistics	3		
4	FOT404	Mathematics for Economists	3		
5	FOT405	English Module 2	3		
	MAE060	Ethics in Engineering			<i>International student</i>
6	FOT407	Principles of Statistics	2	30	
		Tổng	14		

HỌC KỲ 5

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FOT501	Practicum in Industrial Management	2		
2	FOT502	Computer Applications Industrial Management	3		
3	FOT503	English Module 3	3		
	FOT504	English for Engineering			<i>International student</i>
4	FOT505	Electrical Science	3		
5	FOT506	Business Communication	3		
		Tổng	14		

HỌC KỲ 6

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FOT601	Human Resource Management	3		
2	FOT602	Coporate Finance	3		
3	FOT603	Financial and Monetary Theory	3		
4	FOT604	Industrial Economics	3		
5	FOT605	Mechanical Science	2		
		Tổng	14		

HỌC KỲ 7

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FOT701	Business Analysis	3		
2	FOT702	International Business	3		
3	FOT703	Strategic Management	3		
4	FOT704	Foreign Trade Practice	3		
		Tổng	12		

HỌC KỲ 8

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FOT801	Supply Chain Management	3		
2	FOT802	International Investment	3		
3	FOT803	Managerial Accounting	2		
2	FOT804	International Logistics	2		
4	BAS110	Ho Chi Minh's Ideology	2		<i>Vietnamese students</i>
		Tổng	12		

HỌC KỲ 9

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FOT909	Principles of Management	3		
2	FOT901	Customs Practices	3		
3	FOT902	International Payment	3		
4	Học phần tự chọn chuyên ngành (chọn 1 trong 3 tổ hợp học phần)		5		
4.1	Tổ hợp 01				
4.1.1	FOT903	<i>International Procurement</i>	(2)		
4.1.2	FOT904	<i>Export-Import Practices</i>	(3)		
4.2	Tổ hợp 02				
4.2.1	FOT905	<i>E-Logistics</i>	(2)		
4.2.2	FOT906	<i>Transportation and forwarding</i>	(3)		
4.3	Tổ hợp 03				
4.3.1	FOT907	<i>Insurance in Foreign Trade</i>	(2)		
4.3.2	FOT908	<i>International Trade Transaction</i>	(3)		
		Tổng	14		

HỌC KỲ 10

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FOT1001	Internship Program	3		
2	FOT1002	Graduation Thesis	6		
		Tổng	9		

* Chú thích: tổng số TC học trong học kỳ đối với sinh viên nước ngoài được thể hiện trong ngoặc.

